

Số: 04/NQHĐT

Hiệp An, ngày 05 tháng 05 năm 2025

NGHỊ QUYẾT HỌP HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
(Phiên họp thứ tư Năm học 2024-2025)

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG MẦM NON HIỆP AN

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Hội đồng trường, quy định tại Điều 9, Điều lệ mầm non tại Thông tư số 52/TT- BGDĐT ngày 31/12/ 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng trường Mầm non Hiệp An kỳ họp lần thứ tư năm học 2024-2025;

Xét các báo cáo trình bày tại kỳ họp và các ý kiến tham gia thảo luận. Hội đồng trường đi đến thống nhất và quyết nghị nội dung sau :

QUYẾT NGHỊ:

1. Điều 1. Hội đồng Trường nhất trí tán thành và thông qua nghị quyết với các nội dung sau:

I. Đánh giá kết quả năm học 2024-2025

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ: Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, đảm bảo 100% GV được KTCMNV, 100% CBQL, NV được kiểm tra chuyên đề. Hồ sơ được lưu trữ đầy đủ.

Kết quả cụ thể:

- Tổng số GV được KTCMNV: 41 .

+ XL Tốt: 25 , XL Khá: 16 , XL TB: 0.

- Tổng số CB, NV được KT CĐ: 9 (trong đó: QL 3 , NV kế toán 01, NV Nuôi 4, bảo vệ: 1): XL Tốt: 5 , XL Khá: 4 .

- Kiểm tra các đoàn thể:

+ 4 tổ chuyên môn: XL tốt: 4., XL Khá: 0 .

+ Công đoàn: XL : Tốt .

+ KT hoạt động của Đoàn TNCSHCM: XL Khá .

+ KT hoạt động của Hội CMHS: XL Tốt

+ KT hoạt động của Đoàn TNCSHCM: XL Khá

+ KT hoạt động của Ban TTND: XL Tốt

- Trong năm học có 04 đ/c GV nghỉ thai sản, có 04 học sinh khuyết tật học hòa nhập (1 cháu trên 5 tuổi, 1 cháu 5 tuổi, 2 cháu 4 tuổi) được hưởng chế độ theo đúng quy định.

- Tổng số CB, GV, NV nhà trường: 50. Trong đó:

+ CBQL: Đủ số lượng 3/3 đ/c trình độ đại học, có đủ năng lực quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường.

+ GV: 41 đ/c, biên chế: 40, HĐLĐ: 1. Trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên đạt 100%.

+ Có 06 nhân viên: 01 kế toán trình độ ĐH (đã biên chế), 01 bảo vệ và 4 nhân viên nuôi (tất cả các nhân viên nuôi đều được khám sức khỏe và tập huấn VSATTP và đều có chứng chỉ nấu ăn)

- Nhà trường thực hiện đánh giá giáo viên, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, theo chuẩn nghề nghiệp; đánh giá xếp loại CC, VC đảm bảo quy trình, đúng thực chất.

* Kết quả năm học 2024-2025:

- Tổng số CB, GV, NV xếp loại Chuẩn NN từ khá trở lên: $44/44 = 100\%$. Trong đó CBQL: XL tốt $3/3 = 100\%$. Giáo viên XL tốt: $24/41 = 58,5\%$, XL Khá: $17/41 = 41,5\%$

- Tổng số CB, GV, NV xếp loại viên chức từ HT tốt NV trở nên: $45/45 = 100\%$. Cụ thể:

+ Hiệu trưởng xếp loại HTXS NV: $1 = 100\%$

+ Phó HT xếp loại HT XS NV: $02 \text{ đ/c} = 100\%$.

+ Giáo viên: HTXS NV: $6/41 = 14,6\%$, HT Tốt NV: $35/41 = 85,4\%$, HTNV: 0.

- Năm học 2024-2025 nhà trường không có người bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên

Trong năm học nhà trường tích cực tham mưu với các cấp để xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất. Cụ thể: trong năm nhà trường đã xây dựng, cải tạo, sửa chữa khuôn viên, trường lớp: Cải tạo sân vườn trường (lát gạch sân, quy hoạch vườn rau của bé, vườn cổ tích), sửa chữa chống thấm dột nhà vệ sinh, sửa và lát lại gạch nền nhà ở lớp học bị hỏng, khơi thông cống rãnh các khu vực trong trường, lắp lại hệ thống mạng wifi toàn trường, lắp hệ thống điện và quạt trần khu vực mái che sân khấu, sửa chữa đường điện và nước ở các lớp, bổ sung hệ thống cây xanh, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường...Đặc biệt sau cơn bão số 3 Yagi nhà trường đã nhanh chóng khắc phục sự cố đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, an toàn để đón học sinh đến trường sớm nhất.

- Tổng số trẻ trong độ tuổi : 580 cháu.

- Tổng số trẻ huy động là 536 trẻ. Trong đó :

+ Nhà trẻ: $108/194$ đạt $55,7\%$

+ Mẫu giáo: $428/386$ đạt 111%

- Tổng số nhóm lớp: 20, trong đó MG: 15, NT: 5. 100% các nhóm lớp được phân tách theo đúng độ tuổi.

- Tỷ lệ nhóm trẻ/ tổng số nhóm lớp: 5 nhóm trẻ/20 nhóm lớp = 25%

- Tỷ lệ huy động nhà trẻ: $108/194 = 55,7\%$.

- Tỷ lệ huy động mẫu giáo đạt $428/386 = 111\%$.

- 100% trẻ tại đơn vị được tuyệt đối an toàn về tinh thần và thể chất. Không có tình trạng bạo hành trẻ trong đơn vị.

- Tỷ lệ trẻ được bán trú Nhà trẻ và MG đạt 100%.

- Tỷ lệ chuyên chăm: đạt trên 95%

* Tỷ lệ SDD tính đến thời điểm tháng 4/2025

Kết quả: Trẻ SDD: $2/536 = 0,4\%$

Thấp còi: $5/536 = 1\%$

Trẻ BP $6/536 = 1,1\%$

- Kết quả bình xét thi đua năm học 2024-2025:

* Tập thể:

- Tập thể LĐTT

- Giấy khen của UBND thị xã

* Cá nhân:

1. Cá nhân là cán bộ quản lý:

- Lao động tiên tiến: 0

- Chiến sỹ thi đua cơ sở: 03 người

- UBND thị xã tặng giấy khen: 1 người

2. Cá nhân là giáo viên, nhân viên:

- Lao động tiên tiến: 33/41 (tỷ lệ 80,5%);

- Chiến sỹ thi đua cơ sở: 5/33 cá nhân đạt LĐTT (tỷ lệ 15,1%);

- UBND thị xã tặng giấy khen: 7/33 cá nhân đạt LĐTT (tỷ lệ 21,2%)

Trường có giáo viên tham gia hội thi “Giáo viên giỏi” cấp thị xã đạt thành tích xuất sắc, có 7 SKKN được công nhận đạt cấp thị xã.

- Tham gia hội thi cấp thị xã đạt kết quả cao. Giỏi nhất hội thi bé khỏe, bé khéo cấp thị xã.

- Các tổ chức đoàn thể đều hoạt động tốt: Công đoàn và đoàn thanh niên đều xếp loại xuất sắc.

- Chi bộ được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Trường đạt cơ quan đơn vị văn hoá.

*Trong năm học nhà trường không thực hiện vận động tài trợ. Tuy nhiên, nhà trường đã nhận được sự ủng hộ từ phía phụ huynh học sinh. Cụ thể:

- Gia đình anh Lê Hùng Cường là phụ huynh cháu Lê Quang Anh lớp 4 tuổi B, cháu Lê Tùng Anh lớp 4 tuổi E đã ủng hộ 04 cây bon sai góp phần tạo cảnh quan môi trường sư phạm xanh, đẹp và thân thiện trị giá 20.000.000 đồng.

- Gia đình chị Phạm Thị Hoài Anh là phụ huynh của cháu Nguyễn Quốc Vượng lớp 5 tuổi A đã ủng hộ 01 cây xanh trị giá 10.000.000 đồng.

- Gia đình chị Mạc Thị Huyền là phụ huynh của cháu Hà Minh Vy lớp 5 tuổi A ủng hộ cây xanh trị giá 3.000.000 đồng.

- Gia đình cháu Bùi Trọng Đức lớp NT D tặng 2 cây Trúc bách hợp trị giá 1.000.000 đồng.

- Phụ huynh học sinh khối mẫu giáo 5 tuổi tri ân nhà trường món quà trị giá 10.000.000 đồng.

*** Khó khăn, hạn chế**

- Trường Mầm non Hiệp An xây dựng dãy phòng học nhà A năm 2002, dãy nhà B xây năm 2008, dãy nhà C xây năm 2019, bếp ăn xây năm 2002, khu nhà hiệu bộ xây năm 2002, qua nhiều năm sử dụng đang dần xuống cấp.

- Nhiều giáo viên trong độ tuổi sinh con, nuôi con nhỏ nên đã ảnh hưởng đến việc sắp xếp, bố trí đội ngũ.

II. Kết quả thu-chi học kỳ II năm học 2024-2025

1. Học phí:

1. Thu học phí

* Tổng thu: 259.650.000đ

* Nộp hết kho bạc: 259.650.000đ để chi theo quy định.

Trong đó:

- Nộp thuế 2%: 5.193.000đ

- Còn lại chi chuyên môn, khen thưởng và hoạt động khác.

2. Đồ dùng đồ chơi và học liệu:

* Thu: 91.500.000 đ

* Chi: 91.500.000 đ

* Đối trừ thu-chi: 0 đ

3. Tiền bảo hiểm thân thể học sinh:

* Thu: 101.600.000đ

* Chi: 101.600.000đ

* Đối trừ thu-chi: 0 đồng

4. Chăm sóc, phục vụ bán trú: T1-T4/2025

* Thu: 481.098.000đ

* Chi: 481.098.000đ

* Đối trừ thu-chi: 0 đồng

5. Tiền vệ sinh:

* Thu: 53.050.000đ + Tồn kỳ I: 20.000đ = 53.070.000đ

* Chi: 53.070.000đ

* Đối trừ thu-chi: 0 đồng

6. Nước uống tinh khiết:

* Thu: 18.567.500đ + Tồn kỳ I: 7.000đ = 18.574.500đ

* Chi: 18.574.500đ

* Đối trừ thu-chi: 0 đồng

7. Tiền đồ dùng bán trú lần đầu:

* Thu: 5.200.000đ + Tồn kỳ I: 3.200đ = 5.203.200đ

* Chi: 5.203.200đ

* Đối trừ thu-chi: 0 đồng

8. Điện, nước, phụ phí, chất đốt bán trú:

* Thu: 172.412.500đ + Tồn kỳ I: 65.000đ = 172.477.500đ

* Chi: 172.477.500đ

* Đối trừ thu-chi: 0 đồng

9. Ăn bán trú: T1-T4/2025

* Thu: 685.331.000đ

* Chi: 685.331.000đ

* Đối trừ thu-chi: 0 đồng

III. Kế hoạch dạy và học hè 2025

- Thời gian bắt đầu từ ngày: 03/06/2025 đến ngày bắt đầu năm học mới.

- Dự kiến mức thu, chi:

1. Mức thu:

1.1. Tiền học (Đã bao gồm trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, ngoài giờ, quản lý): 1.100.000đ/học sinh/tháng (Học từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

1.2. Phụ phí (bao gồm: chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy rửa): 65.000đ/học sinh/tháng

1.3. Vệ sinh (Bao gồm người quét dọn vệ sinh, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn): 30.000đ/học sinh/tháng

1.4. Nước uống tinh khiết: 7.000đ/học sinh/tháng

1.5. Tiền ăn: 19.000đ/học sinh /ngày (Mẫu giáo: 1 bữa chính, 1 bữa phụ. NT: 2 bữa chính, 1 bữa phụ).

2. Dự kiến chi:

Thực hiện các khoản chi đảm bảo chi đủ số lượng thu, đúng mục đích và hợp lý. Cụ thể:

2.1. Chi tiền học

- Sử dụng: Sau khi nộp thuế về Nhà nước, số còn lại quy ra 100% để trả lương cho quản lý, giáo viên, nhân viên, thuê nấu, trông trưa.

2.2. Điện, nước sinh hoạt, chất đốt, nước tẩy, rửa:

- Trả tiền điện, nước sinh hoạt hàng tháng...



- Mua chất đốt.
- Mua nước rửa bát, chất tẩy, rửa ...

2.3. Vệ sinh (Bao gồm người quét dọn vệ sinh, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn):

- Trả công người quét dọn vệ sinh, trả công người thu gom rác thải, mua chổi rể, cây lau nhà, giấy vệ sinh, xử lý vệ sinh, túi rác, khăn lau tay, gang tay, thảm lau chân ...

2.4. Nước uống tinh khiết:

- Mua nước uống tinh khiết đóng bình cho trẻ.

2.5. Tiền ăn bán trú:

* Tiền ăn bán trú của trẻ: Mẫu giáo ăn 01 bữa chính, 01 bữa phụ. Trẻ NT: ăn 02 bữa chính, 01 bữa phụ (trẻ ăn ngày nào tính tiền ngày đó):

- Tiền ăn bán trú được quyết toán công khai hàng ngày trên cơ sở lấy thu bù chi và không mang tính chất kinh doanh.

Điều 2: Giao cho Hiệu trưởng nhà trường tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung đã xây dựng.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, các thành viên Hội đồng trường sẽ tiếp tục tuyên truyền nghị quyết, giám sát thực hiện. Yêu cầu lãnh đạo nhà trường báo cáo định kỳ, đột xuất việc thực hiện khi có yêu cầu.

Nghị quyết này được Hội đồng trường mầm non Hiệp An phiên họp thứ tư năm học 2024-2025, ngày 28/4/2025, với sự biểu quyết tán thành của 100% thành viên dự họp./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐT;
- Hiệu trưởng trường;
- Website trường;
- Bản tin trường;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Nguyễn Thị Tuyết